

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2018
VÀ CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018 của tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về một số chủ trương, biện pháp điều hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/06/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế Đồng Nai; Căn cứ Quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Phần thứ nhất
TỔNG KẾT CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2018

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, ngành y tế đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong năm 2018; thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đã hoàn thành đạt các chỉ tiêu cơ bản trên lĩnh vực y tế theo Nghị quyết số 10-NQ/TU của Tỉnh ủy, cụ thể là:

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,05%, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ xã, phường đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế: 100%, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân: 8,0 BS/vạn dân, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có bác sĩ hoạt động: 100%, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 05 tuổi: Cân nặng theo tuổi: 8,4%, chiều cao theo tuổi: 23,5%, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ: 98,6%, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân: 27,9; trong đó: y tế công lập đạt 21,5 giường bệnh /vạn dân, y tế ngoài công lập đạt 6,4 giường bệnh /vạn dân, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải y tế: 100%, đạt chỉ tiêu.

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: 84,5%, đạt chỉ tiêu.

Các kết quả nổi bật năm 2018, cụ thể như sau:

1. Công tác xây dựng và triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước

Xây dựng kế hoạch và triển khai cho các đơn vị Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018.

Triển khai thực hiện chương trình công tác các Quý của năm 2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018.

Triển khai thực hiện Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018.

Thực hiện Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 7315/KH-UBND ngày 17/6/2018 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 7875/KH-UBND ngày 27/7/2018 về thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về “công tác dân số trong tình hình mới”.

Tham mưu UBND tỉnh xây dựng triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong ngành

Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là các bệnh thường gặp lúc giao mùa: Sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, các loại cúm và các bệnh dịch nguy hiểm: Zika, H7N9, MERS - CoV, Ebola. Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh phối hợp các trung tâm Y tế tuyến huyện tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý kịp thời các dịch bệnh, nhất là dịch Sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng và sởi rét. Chủ động đảm bảo hóa chất, vắc xin sinh phẩm phòng bệnh phục vụ kịp thời trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu của các Chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn từ năm 2016 - 2020 nhằm đảm bảo tiến độ và đạt các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra.

Tăng cường chiến dịch tuyên truyền vận động thực hiện Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS - KHHGĐ ở những khu vực có mức sinh cao và vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt xã hội hóa công tác sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh nhằm huy động nguồn lực cộng đồng để tăng tỷ lệ thai nhi và trẻ sơ sinh được sàng lọc phát hiện sớm các bệnh, tật bẩm sinh

Phối hợp với báo, đài, phát thanh địa phương nhất trong công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm... và các hoạt động của ngành y tế.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn, không để xảy ra tình trạng mất vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, chế biến thực phẩm, hàng hóa từ khâu sản xuất đến lưu thông, phân phối trên thị trường. Tăng cường kiểm tra các bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn và các khu dịch vụ nấu ăn phục vụ cho các lễ hội lớn trong năm. Tập trung vào công tác tuyên truyền, kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố.

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; thực hiện Đề án 1816 các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa khu vực hỗ trợ Trung tâm Y tế tuyến huyện xây dựng kế hoạch phát triển kỹ thuật mới. Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất, Bệnh viện Nhi đồng phối hợp với các bệnh viện hạt nhân triển khai thực hiện bệnh viện vệ tinh.

Các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện nghiêm túc quy chế bệnh viện, nhất là quy chế thường trực cấp cứu; đảm bảo công tác cấp cứu, điều trị bệnh nhân kịp thời và hiệu quả; chủ động dự trữ máu, thuốc, dịch truyền, vật tư để cấp cứu và điều trị bệnh nhân.

Tích cực thanh, kiểm tra các hoạt động y tế của đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh; tăng cường thực hiện đổi mới phong cách của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh, kỹ năng giao tiếp và thực hiện bệnh viện xanh sạch đẹp.

Các trung tâm Y tế rà soát bác sĩ làm việc tại Trạm Y tế, tiếp tục bổ sung bác sĩ cho Trạm Y tế theo hướng bố trí ổn định hoặc tăng cường liên tục trong thời gian 6 tháng trở lên để nâng cao trình độ tuyến y tế cơ sở.

Tiếp tục thực hiện tốt đề án hỗ trợ và thu hút đối với cán bộ, viên chức ngành y tế; tuyển dụng và đào tạo, đặc biệt là đội ngũ bác sĩ, dược sĩ về tuyến huyện, xã, hệ thống y tế dự phòng.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020. Thực hiện đúng quy định về công tác dược lâm sàng nhất là tại bệnh viện, trung tâm Y tế 02 chức năng nhằm bảo đảm kiểm soát tốt việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong công tác điều trị.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản, nhất là tiến độ xây dựng công trình các Trạm Y tế trên địa bàn để thực hiện phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới theo Quyết định số 2348/2016/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đổi mới, sắp xếp bộ máy, tinh gọn đầu mới, biên chế

Triển khai thực hiện các Nghị quyết: Nghị Quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng (Khóa XII) về “một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng (Khóa XII) về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

Sở Y tế xây dựng Đề án và trình UBND tỉnh phê duyệt Quyết định thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập 07 trung tâm y tế tuyến tỉnh nhằm mục đích tinh gọn bộ máy y tế để hoạt động hiệu quả, đảm bảo sự phối hợp, tính liên tục trong cung ứng dịch vụ y tế y tế cho người dân (đang chờ UBND tỉnh phê duyệt).

Đối với tuyến huyện, xã: Tiếp tục củng cố và ổn định mô hình tổ chức của các trạm y tế xã, phường, thị trấn; tập trung củng cố và đầu tư cho y tế cơ sở theo Kế hoạch số 5463/KH-UBND ngày 08/6/2017 của UBND nhân dân tỉnh về phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới. Sở Y tế đã tiến hành thực hiện rà soát đánh giá thực trạng nhân lực y tế, trang thiết bị y tế, cơ sở hạ tầng 171 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

4. Triển khai thực hiện xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 5463/KH-UBND ngày 08/6/2017 về phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở để củng cố, hoàn thiện tổ chức mạng lưới y tế cơ sở theo hướng: đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở, bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho từng người dân trên địa bàn theo hướng toàn diện, liên tục, phối hợp và lồng ghép, góp phần giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên. Thực hiện theo dõi, quản lý sức khỏe theo từng cá nhân tại trạm y tế tuyến xã.

Thực hiện cử bác sỹ luân phiên từ bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố về trạm Y tế xã, phường, thị trấn làm việc 1-2 ngày/tuần theo định kỳ, phân công bác sỹ trạm y tế xã về làm việc và trực tại Bệnh viện/Trung tâm y tế huyện để nâng cao năng lực chuyên môn.

Hiện nay, toàn tỉnh đã có 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc, 100% xã, phường, thị trấn có cơ sở trạm, 100% thôn, bản, ấp có nhân viên y tế hoạt động, 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Số lượng các dịch vụ thực hiện theo phân tuyến kỹ thuật của trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã ngày càng tăng, một số đơn vị đã thực hiện được một số kỹ thuật của tuyến trên. Hơn 90% trạm y tế xã thực hiện khám chữa bệnh BHYT.

5. Công tác phòng, chống dịch bệnh.

Triển khai kịp thời các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng chống dịch bệnh. Chủ động phối hợp tốt với các Sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tích cực, nhất là bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi; giám sát và xử lý kịp thời các bệnh nguy hiểm: Cúm A (H5N1, H7N9), Ebola, MERS-CoV, Zika; đồng thời giám sát chặt chẽ tình hình và xử lý kịp thời dịch Sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng trên địa bàn tỉnh. Cung ứng đầy đủ các loại vắc xin sinh phẩm, hóa chất phòng, chống dịch bệnh.

a) Tình hình dịch bệnh năm 2018:

Bệnh sốt xuất huyết: Ghi nhận 8.312 trường hợp mắc (6.843 trường hợp nội trú, 1.469 trường hợp ngoại trú), tăng 37% so với cùng kỳ 2017 (6.066 trường hợp); số trường hợp nội trú tăng 24,7% so với cùng kỳ 2017. Ghi nhận 03 trường hợp mắc bệnh tử vong (02 trường hợp ở thành phố Biên Hòa, 01 trường hợp ở Trảng Bom), giảm so với cùng kỳ 2017(04 trường hợp). Tỷ lệ mắc/100.000 dân toàn tỉnh là 268 trường hợp, tăng 35% so với cùng kỳ 2017 (199). Địa phương có số mắc/100.000 dân cao nhất là Nhơn Trạch (434), Tp. Biên Hòa (355). So với cùng kỳ năm 2017, số mắc sốt xuất huyết giảm ở 01 huyện: Nhơn Trạch (↓31,4%); số mắc tăng ở 10/11 địa phương còn lại, trong đó tăng cao nhất ở huyện Vĩnh Cửu (271,7%), Định Quán (198,9%).

Bệnh tay chân miệng: Ghi nhận 12.921 trường hợp mắc bệnh, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2017, Trong đó 4.625 trường hợp nội trú, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2017 (3.639) và 8.296 trường hợp ngoại trú, tăng 49,3% so với cùng kỳ năm 2017 (5.555). Ghi nhận 01 trường hợp tử vong, tăng so với cùng kỳ năm 2017 (0). Tỷ lệ mắc/100.000 dân toàn tỉnh năm 2018 là 417 trường hợp, tăng 39% so với cùng kỳ 2017 (301). Tuy nhiên, số mắc trường hợp nội trú/100.000 dân là 149 trường hợp, đạt với chỉ tiêu đề ra (<159 trường hợp).

Sởi: Ghi nhận 1.142 trường hợp mắc Sởi. Tăng cao gấp nhiều lần so với cùng kỳ năm 2017 (02 trường hợp). Không ghi nhận trường hợp tử vong.

Cúm: Ghi nhận cúm A H1N1 là 03 trường hợp, cúm H3N2 là 03 trường hợp, tăng so với cùng kỳ 2017 (01 trường hợp).

Sốt rét: Ghi nhận 59 trường hợp, tăng 1,82 lần so với cùng kỳ năm 2017 (33 trường hợp). Không ghi nhận trường hợp tử vong.

Zika: Ghi nhận 02 trường hợp bệnh do vi rút Zika. Ngành y tế đã triển khai xử lý kịp thời không để dịch lây lan ra cộng đồng; Không ghi nhận trường hợp mắc bệnh Zika tử vong.

Ho gà: Ghi nhận 28 trường hợp mắc bệnh, tăng 3,7 lần so với năm 2017 (06).

Viêm não Nhật Bản: Ghi nhận 04 trường hợp mắc bệnh, tăng 02 trường hợp so với cùng kỳ (02).

Bệnh do liên cầu lợn ở người: Ghi nhận 01 trường hợp mắc bệnh, cùng kỳ 2017 không ghi nhận trường hợp mắc.

Uốn ván khác: Ghi nhận 49 trường hợp, tăng 2 lần so với cùng kỳ 2017 (24).

Thủy đậu: Ghi nhận 857 trường hợp, tăng 1,93 lần so với năm 2017 (1.654)

Quai bị: Ghi nhận 618 trường hợp, tăng 2 lần so với năm 2017 (309)

Các bệnh truyền nhiễm không ghi nhận ca mắc mới trong năm: Uốn ván sơ sinh, Cúm A (H5N1), Cúm A (H7N9); Ebola, tả, đại...

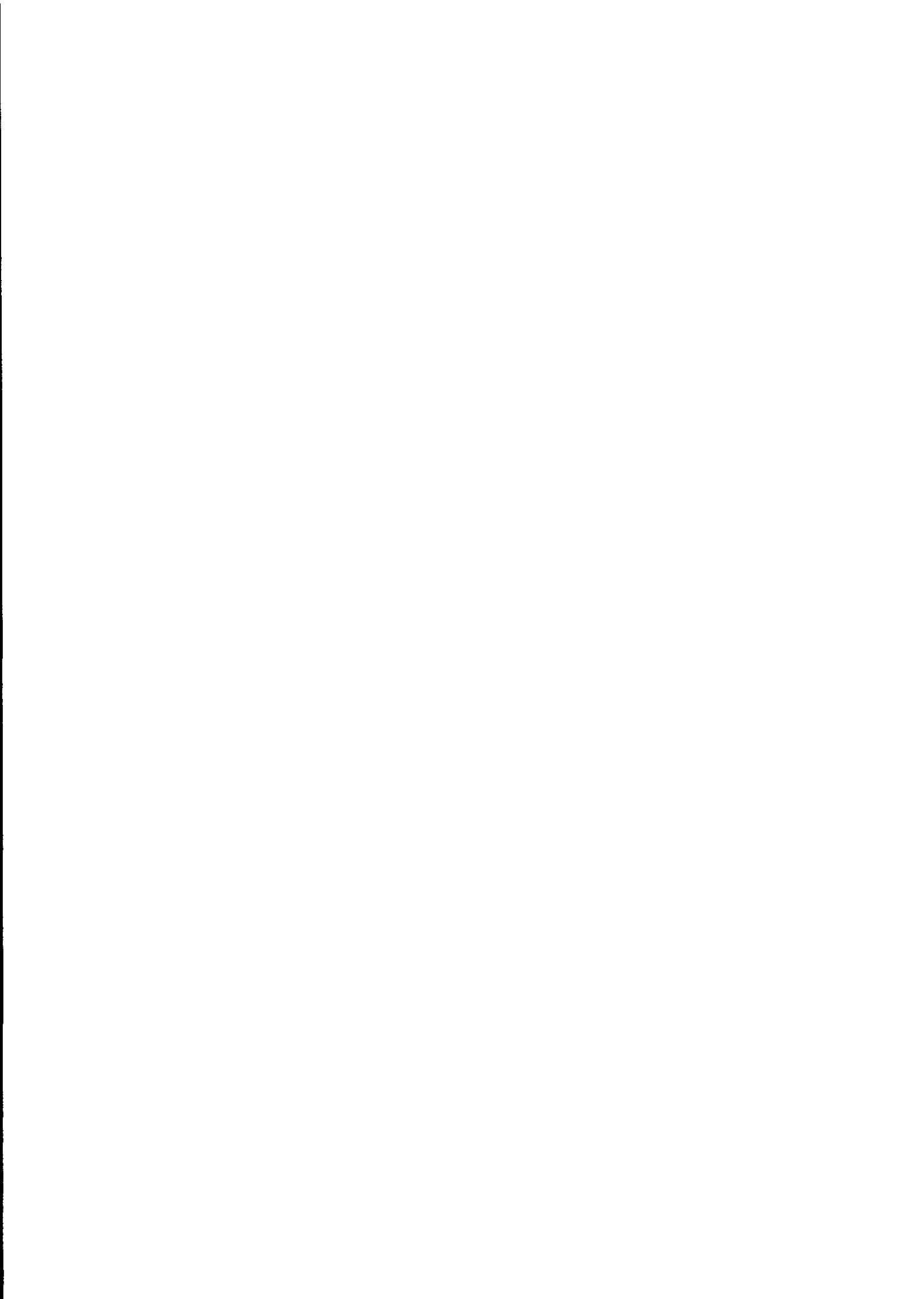
b) Các hoạt động phòng chống dịch đã triển khai

Kiểm soát dịch Sởi: Điều tra, xử lý ca bệnh sởi tại địa phương khi nhận được thông tin từ tuyến trên, cấp phát Cloramin B cho các hộ gia đình trong khu vực ổ dịch; thực hiện hoạt động Tiêm vét vắc xin sởi cho trẻ từ 9-17 tháng tuổi và Sởi – Rubella cho toàn bộ trẻ có độ tuổi từ 18-60 tháng tuổi trên 171 xã/phường/thị trấn trên toàn tỉnh; Tăng cường truyền thông phòng chống bệnh Sởi và Tay chân miệng; Cấp phát Cloramin B khử trùng trường học, đến nay đã triển khai 11/11 huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa. Tính đến tháng 12, gần 200 ngàn trẻ được tiêm, đạt 96 % trẻ em được miễn dịch chung.

Kiểm soát dịch Sốt xuất huyết: Tổ chức truyền thông trên các phương tiện truyền thông như báo, đài, hệ thống truyền thông cơ sở như loa phát thanh địa phương, xe tuyên truyền lưu động; cấp phát tờ rơi, bandrol...; thực hiện chiến dịch diệt lăng quăng trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện 07 đợt phun hóa chất chủ động, dập dịch diện rộng phòng chống sốt xuất huyết - Zika đồng thời với huy động cộng đồng tổng vệ sinh tại 11 huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Kiểm soát dịch Tay chân miệng: Phối hợp báo Đồng Nai, Truyền hình Đồng Nai thực hiện truyền thông về bệnh Tay chân miệng trong chuyên đề “Sức khỏe cho mọi người”; thường xuyên đưa tin, bài truyền thông về bệnh Tay chân miệng và các hoạt động phòng chống dịch bệnh Tay chân miệng. Cấp phát Cloramin B khử trùng trường học, đến nay đã triển khai 11/11 huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

Tiến hành điều tra, xác minh trường hợp bệnh tại bệnh viện và cộng đồng khi xuất hiện trường hợp mắc bệnh, xử lý ổ dịch kịp thời và đúng quy trình, đồng thời lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm nhằm bao vây, khoanh vùng xử lý không để dịch phát triển và lan rộng.



Thực hiện tốt công tác tiêm chủng, bảo đảm tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt trên 98%; đảm bảo đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đáp ứng được nhu cầu tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn.

Kịp thời chỉ đạo Trung tâm Y tế dự phòng và các đơn vị y tế trong tỉnh phối hợp tăng cường triển khai các biện pháp tích cực trong công tác phòng, chống dịch, nhất là dịch bệnh Sởi, Sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng, tăng cường giám sát và xử lý tốt các ổ dịch tại các địa phương bùng phát dịch. Đảm bảo đầy đủ vắc xin, hóa chất, thuốc trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Đẩy mạnh công tác tiêm chủng vắc xin phòng bệnh và duy trì các chiến dịch như diệt lăng quăng, phun hóa chất không để dịch bệnh lây lan trong cộng đồng.

5. Thực hiện các Chương trình mục tiêu y tế – Dân số

*** Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm nguy hiểm.**

Chủ động phòng chống trong công tác phòng, chống bệnh dịch, phát hiện sớm, kịp thời không chể, không để dịch lớn xảy ra, giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong do một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm, không chể tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường.

Tiếp tục kiểm soát tốt tình hình mắc các bệnh lây nhiễm phổ biến như: Sốt rét, sốt xuất huyết, lao, phong... Các chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống các bệnh không lây nhiễm nguy hiểm như cao huyết áp, ung thư, tâm thần, tăng huyết áp, bứu cổ, tim mạch và đái tháo đường... được triển khai thực hiện đúng tiến độ và đạt chỉ tiêu kế hoạch như không chể tỷ lệ mắc sốt rét/1000 dân SRLH < 0,18 và ghi nhận không có trường hợp tử vong; duy trì 100% bệnh nhân phong được chăm sóc y tế; các bệnh ung thư, đái tháo đường, tăng huyết áp: Mạng lưới quản lý được duy trì tại 171 xã/phường/thị trấn trong toàn tỉnh, tiếp tục hoạt động khám sàng lọc, giám sát, ghi nhận ca bệnh được thực hiện đồng bộ tại các tuyến; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân được tăng cường.

Duy trì quản lý, chăm sóc, điều trị và phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần phân liệt; triển khai sàng lọc, quản lý, chăm sóc và điều trị bệnh nhân động kinh. Mạng lưới quản lý dự án được duy trì tại 171 xã/phường/thị trấn trong toàn tỉnh.

Hệ thống y tế trường học của tỉnh ngày càng hoàn thiện. Tăng cường giám sát hoạt động Y tế trường học và tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho học sinh các cấp trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ trẻ mầm non đến phổ thông mắc các bệnh học đường như cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần cộng đồng giảm so với tỷ lệ mắc mới năm 2015. Đồng thời tỷ lệ trẻ mầm non đến học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị các bệnh trên ngày càng tăng, đạt chỉ tiêu kế hoạch. Tiếp tục thực hiện tẩy giun định kỳ 2lần/năm cho các học ở vùng nguy cơ cao.

*** Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình**

Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của dự án Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD, ngoài ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc thiết yếu và phương tiện tránh thai (PTTT) để thực hiện KHHGD. Ngoài ra, tỉnh tổ chức chiến dịch Truyền thông lồng ghép dịch vụ CSSKSS/KHHGD tại 60 xã vùng sâu, vùng xa, vùng có mức sinh cao đạt hiệu quả. Thực hiện tốt Đề án can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; chương trình sàng lọc dị tật bẩm sinh trước và sau sinh.

Thanh toán chi trả cho các đối tượng thực hiện KHHGD, chế độ cho cộng tác viên kịp thời, đầy đủ.

Tuyên truyền và vận động người dân về các hoạt động triển khai tiếp thị xã hội và xã hội hóa trên địa bàn tỉnh đồng thời tổ chức mạng lưới phân phối và cung ứng các sản phẩm phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội và phương tiện tránh thai xã hội hóa. Kết quả thực hiện tiếp thị xã hội và xã hội hóa năm 2018 đã cấp 440 chiếc vòng tránh thai, 13.000 vỉ thuốc uống, 30.000 chiếc bao cao su. Kết quả thực hiện phương tiện tránh thai miễn phí năm 2018 đã cấp 6.000 chiếc vòng tránh thai, 81 que cấy, 1.800 lọ thuốc tiêm, 110.000 cái bao cao su.

Triển khai thực hiện chiến dịch tăng cường truyền thông vận động, lồng ghép dịch vụ CSSKSS/KHHGD tại 60 xã, phường, thị trấn của 7 huyện theo kế hoạch Trung ương và UBND tỉnh giao. Kết quả chiến dịch năm 2018: có 12.909 chị em phụ nữ được khám phụ khoa đạt 95% kế hoạch toàn Chiến dịch; Phát hiện 5.952 phụ nữ mắc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và điều trị phụ khoa cho 5.952 phụ nữ, đạt 106% so với số khám và bình quân mỗi xã thực hiện 99 trường hợp. Ngoài ra, còn tổ chức thực hiện các kỹ thuật soi tươi cho 2.824 trường hợp, phiên đồ âm đạo cho 50 trường hợp và siêu âm cho 1.323 trường hợp.

Có 2.968 trường hợp thực hiện biện pháp tránh thai lâm sàng, đạt 102,% so với kế hoạch và bình quân mỗi xã thực hiện gần 50 trường hợp. Trong đó: Đính sản đạt 81%; Đặt vòng đạt 88%; Tiêm thuốc tránh thai đạt 162% và Cây thuốc tránh thai đạt 67%; có 31.303 cặp vợ chồng được cấp phát, sử dụng viên uống thuốc viên tránh thai và bao cao su. Cụ thể số liệu sử dụng sử dụng biện pháp tránh thai: Đính sản mới (355); đặt vòng tránh thai mới (8.632); thuốc cây mới (270); số người tiêm thuốc tránh thai (3.625); số người uống thuốc tránh thai (91.594); số người sử dụng Bao cao su (121.398).

Về thực hiện mục tiêu giảm sinh và dịch vụ KHHGD: Ước tổng số trẻ sinh ra năm 2018 là 38.613 cháu. Số trẻ sinh ra là con thứ ba trở lên 2.231 cháu giảm 937 cháu so với cùng kỳ năm 2017(39.550 cháu).

Tỷ suất sinh thô là 12,76 ‰ năm 2018 (2017:13,31‰). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,93%.

*** Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em**

Chỉ đạo và phối hợp thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Zika cho phụ nữ có thai; triển khai giám sát, đào tạo, sàng lọc trước sinh và sau sinh. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các giải pháp nhằm

hạn chế tai biến sản khoa tại các cơ sở khám chữa bệnh sản phụ khoa và nhi khoa (kể cả cơ sở y tế tư nhân).

Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; chăm sóc sức khỏe sinh sản cho các đối tượng như vị thành niên, phụ nữ độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mãn kinh và nam giới.

Thực hiện tốt công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thái độ và thay đổi hành vi của cộng đồng về chăm sóc thai nghén và làm mẹ an toàn, lợi ích của khám sức khỏe tiền hôn nhân; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và sàng lọc các bệnh lây truyền từ mẹ sang con như viêm gan B.; khám, điều trị, tư vấn dinh dưỡng cho trẻ nhỏ; khám và quản lý thai sớm tại TYT xã, phường, thị trấn. Duy trì thực hiện tốt công tác phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn liên quan đến đường tình dục và HIV/AIDS – phòng ngừa ung thư cổ tử cung.

Đạt được nhiều chỉ tiêu đề ra về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi: Cân nặng theo tuổi: 8,4%, chiều cao theo tuổi đạt 23,5%; tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần đạt trên 90%; tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi/1000 trẻ sinh ra sống là 2‰; Tỷ số chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống là 4/100.000.

Duy trì công tác tốt khám, hướng dẫn và cung cấp các phương tiện tránh thai cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Tổng số lượt khám thai: 289.714 lượt khám thai, trong đó số phụ nữ đẻ được khám thai 3 lần: 48.343; số lượt khám phụ khoa: 14.598, trong đó số trường hợp tai biến sản khoa: 61, tử vong: 00; số lượt điều trị phụ khoa: 8.629

*** Công tác tiêm chủng**

Thực hiện tốt công tác tiêm chủng, bảo đảm tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt trên 98%; đảm bảo đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đáp ứng được nhu cầu tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn. Thực hiện củng cố nâng cấp dây truyền lạnh, kho lưu trữ bảo quản vắc xin đạt tiêu chuẩn thực hành bảo quản thuốc tốt (GSP) tại các cơ sở tiêm chủng.

*** Chương trình An toàn vệ sinh thực phẩm.**

Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến kiến thức cho người dân và phổ biến văn bản pháp luật về an toàn thực phẩm cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm như tổ chức lễ phát động Tháng hàng động vì ATTP, tập huấn, hội thảo, phát thanh, truyền hình, báo viết và các sản phẩm truyền thông: Băng rôn, khẩu hiệu, áp phích.... Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tiếp tục được đẩy mạnh, tình hình ngộ độc thực phẩm đang được kiểm soát, năm 2018 đã kiểm tra 25.759 cơ sở, có 22.015 cơ sở đạt (85,5%); số cơ sở vi phạm 3.744 với 91 cơ sở phạt số tiền 448.794.000đ và nhắc nhở 3.653 cơ sở. Toàn tỉnh đã xảy ra 05 vụ ngộ độc thực phẩm với tổng số người mắc là 232 người mắc; không ghi nhận trường hợp tử vong.

Giải quyết nhanh chóng, có hiệu quả các vấn đề bức xúc về an toàn thực phẩm; tăng cường giám sát, phòng ngừa và cảnh báo kịp thời các vấn đề về an toàn thực phẩm. Công tác truyền thông tiếp tục được đẩy mạnh và duy trì thường xuyên, các hình thức truyền thông được đa dạng hóa đã tác động tốt đến các đối tượng trong việc thay đổi hành vi bảo đảm an toàn thực phẩm. Báo chí đã tích cực đưa các tin bài về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đến cộng đồng, đặc biệt các tin về cảnh báo nguy cơ. Duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP. Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai đồng bộ, quyết liệt, có sự vào cuộc của các cấp, các ngành chức năng có liên quan, được phân cấp rõ cho từng ngành, từng cấp, hạn chế sự chồng chéo trong thực hiện.

*** Chương trình Phòng chống HIV/AIDS**

Số trường hợp mắc mới HIV trong năm 2018 là 351, trong đó nữ chiếm 72 trường hợp, có 14 trường hợp mắc HIV/AIDS tử vong trong năm. Kể từ trường hợp nhiễm HIV đầu tiên được phát hiện vào tháng 04/1993 đến 31/12/2018 toàn tỉnh đã phát hiện 8.254 người nhiễm HIV, trong đó nữ chiếm 1.903 trường hợp và số trường hợp mắc AIDS đang được điều trị ARV là 3.274. Tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư trên địa bàn toàn tỉnh là 0,26%, Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng tiếp tục được khống chế dưới 0,3%.

Duy tốt các hoạt động truyền thông phòng chống HIV/AIDS và các dự án phòng chống HIV/AIDS.

Công tác điều trị Methadone được phối hợp với công an các phường xã tại các địa phương và cung cấp thông tin cần thiết của bệnh nhân tạo điều kiện quản lý bệnh nhân trên địa bàn được liên tục và chặt chẽ. Kết hợp với công an phường, xã trong việc giám sát và nắm bắt tình hình bệnh nhân để kịp thời xử lý nếu có vi phạm, phạm pháp tại cơ sở và trong khu vực trung tâm.

Hỗ trợ các tổ chức hoạt động về công tác xã hội trong việc cung cấp tài liệu vận động các đối tượng sử dụng ma túy tham gia điều trị Methadone. Tính đến tháng 12/2018, toàn tỉnh triển khai 08 cơ sở điều trị Methadone (07 cơ sở điều trị, 01 cơ sở đang triển khai) với 3.176 bệnh nhân đăng ký điều trị và bệnh nhân đang điều trị là 1.327; trong đó số bệnh nhân điều trị trên 6 tháng là 1.038 bệnh nhân và số bệnh nhân HIV (+) là 253 bệnh nhân.

6. Tăng cường quản lý môi trường y tế

Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai thực hiện Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, tăng cường tiếp cận với nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Tăng cường công tác phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích, y tế học đường, môi trường lao động, trong đó có môi trường cơ sở y tế. Số mẫu quan

trắc môi trường lao động không đạt tiêu chuẩn vệ sinh chỉ chiếm 0,5%. Tình hình mắc và tử vong do tai nạn thương tích có xu hướng giảm so với năm 2017.

Tỷ lệ rác thải y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh được xử lý theo quy định được duy trì 100%, duy trì tỷ lệ 100% Trạm y tế xã, phường, thị trấn có nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia.

Tiếp tục thực hiện Bộ 83 tiêu chí chất lượng; đổi mới phong cách phục vụ, nâng cao y đức; triển khai các hoạt động truyền thông về quản lý chất thải y tế, xây dựng cơ sở y tế Xanh – Sạch – Đẹp.. Bộ mặt chung của nhiều cơ sở khám, chữa bệnh đã thay đổi, chỉ dẫn, đón tiếp tốt hơn, môi trường bệnh viện đang xanh hơn, nhà vệ sinh, cảnh quan sạch hơn, đẹp hơn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường, nước sạch, hóa chất, an toàn và vệ sinh lao động, chất thải y tế.

7. Công tác khám chữa bệnh và cung ứng thuốc

Công tác khám, chữa bệnh đã có bước chuyển biến tích cực, các chỉ tiêu tổng hợp như số lần khám bệnh, số bệnh nhân nội trú, ngoại trú, số ngày điều trị nội, ngoại trú, số phẫu thuật, thủ thuật, chẩn đoán, xét nghiệm,... đều tăng so với năm 2017, nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao đã được thực hiện, chất lượng chuyên môn y tế của các bệnh viện các tuyến đã từng bước được nâng lên.

Đã có sự chuyển biến rõ rệt về phong cách, thái độ phục vụ người bệnh, cùng với việc xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, tăng cường công tác quản lý các dịch vụ thuê ngoài và các dịch vụ phi y tế đã làm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh.

Thực hiện cấp chứng chỉ cho người hành nghề và giấy phép hoạt động cho cơ sở khám, chữa bệnh cả công lập và ngoài công lập theo quy định của Luật Khám, chữa bệnh nhằm tăng cường quản lý dịch vụ khám, chữa bệnh. Đã cơ bản hoàn thành cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh cho người hành nghề cả trong và ngoài công lập.

Thực hiện tốt các quy định của Luật Bảo hiểm y tế, tỷ lệ người dân tham gia BHYT tiếp tục tăng, đến nay đạt 84,5%. Tiếp tục mở rộng các điểm đăng ký khám chữa bệnh ban đầu cho người có thẻ BHYT đến các trạm y tế xã; y tế cơ quan, nhà máy, trường học và các bệnh viện, phòng khám đa khoa tư nhân qua đó tạo thuận lợi cho người bệnh đến khám chữa bệnh.

Hệ thống y tế ngoài công lập tiếp tục phát triển và hoạt động có hiệu quả góp phần giảm tải cho y tế công lập.

Các bệnh viện công lập tiếp tục tăng cường triển khai nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao theo đề án 1816, bệnh viện vệ tinh góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân, điển hình như: kỹ thuật dùng mũi khoan kim cương để phá mảng xơ vữa (Rotablator) làm tắc nghẽn động mạch vành; phẫu thuật tim hở; lọc màng bụng liên tục bằng máy cho bệnh nhân suy thận mạn giai đoạn cuối; cắt khối u dạ dày bằng phương pháp nội soi; các ca bệnh khó về xương khớp tại Bệnh viện ĐK Thống Nhất. Phẫu thuật tim

hở; ứng dụng công nghệ Spect trong chẩn đoán, theo dõi bệnh ung thư; kỹ thuật đốt gan bằng sóng cao tần; điều trị bệnh bằng oxy cao áp tại Bệnh viện ĐK Đồng Nai. Phẫu thuật nội soi tái tạo đứt dây chằng chéo khớp gối bằng kỹ thuật all-inside; ứng dụng laser trong điều trị bệnh trĩ; triển khai “Phòng sinh gia đình”, “Phòng khám chuyên gia” tại Bệnh viện ĐKKV Long Khánh. Kỹ thuật nuôi cấy nhanh vi khuẩn lao bằng môi trường lỏng - MGIT tại Bệnh viện phổi Đồng Nai. Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai cấp cứu, phẫu thuật thành công nhiều ca bệnh khó bệnh hiểm. Đặc biệt, Bệnh viện ĐKKV Định Quán mổ cấp cứu thành công một ca đa chấn thương ổ bụng và Bệnh viện ĐKKV Long Khánh phẫu thuật kịp thời cứu sống bệnh nhân bị đâm thấu tim được Giám đốc Sở Y tế tặng giấy khen đột xuất.

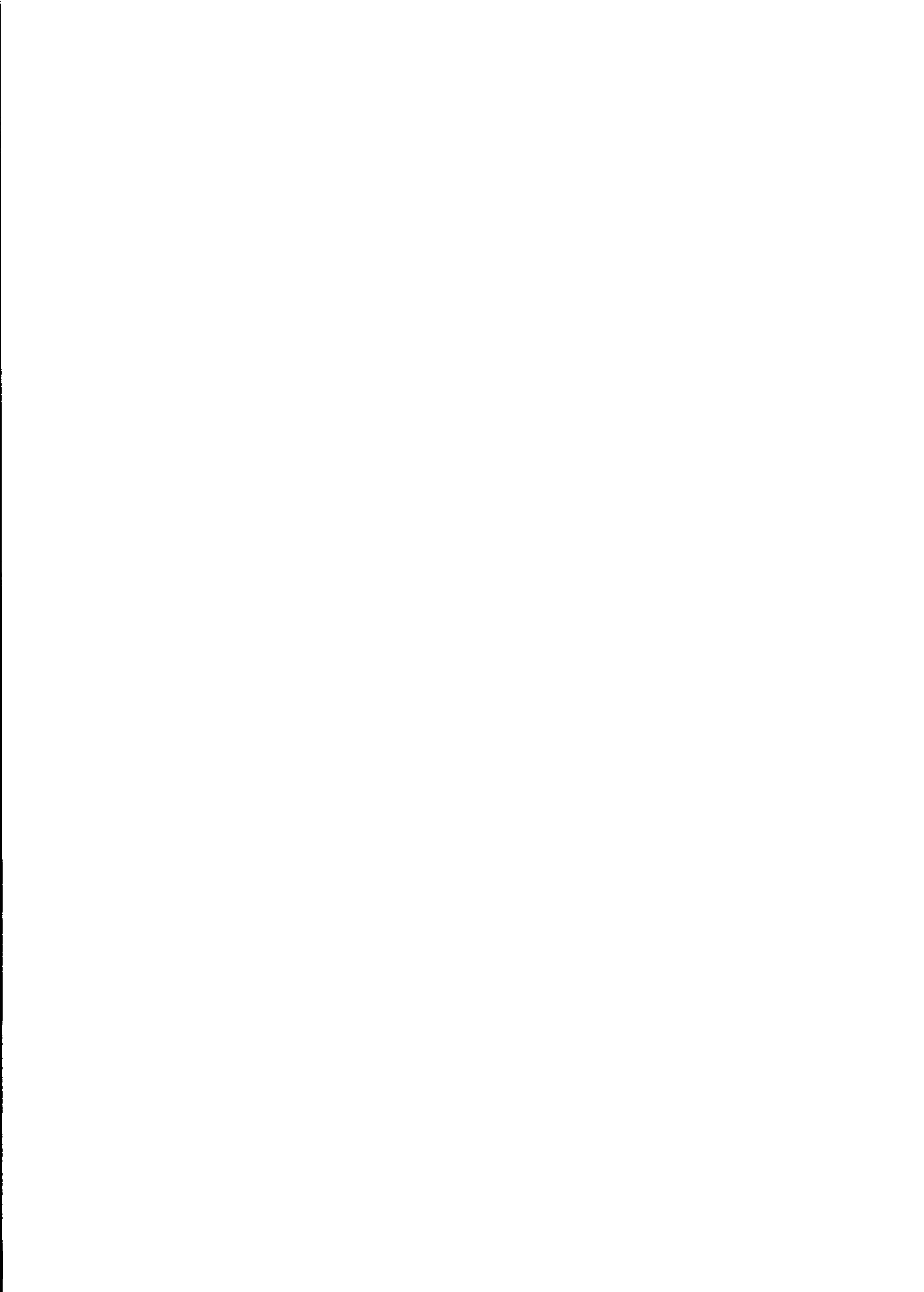
Triển khai thực hiện Thông tư số 15/2018/TT-BYT; Thông tư số 56/2018/TT-BYT của Bộ Y tế; Thông tư 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế về quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp cho các cơ sở y tế tham gia vào quá trình khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế.

Các bệnh viện đa khoa khu vực, TTYT tuyến huyện đã tích cực triển khai kỹ thuật mới qua đó phát huy tốt hiệu quả đầu tư. Các bệnh viện đã thực hiện việc trích một phần nguồn thu để đầu tư phương tiện phục vụ người bệnh, tăng thêm bàn khám bệnh qua đó giảm thời gian chờ đợi và tăng tiện nghi phục vụ; quyền lợi của bệnh nhân được bảo đảm hơn, tình trạng bệnh nhân phải đóng thêm tiền hoặc tự mua thuốc, vật tư đã cơ bản được xóa bỏ.

Chất lượng khám chữa bệnh và điều kiện phục vụ người bệnh tiếp tục được nâng lên thông qua việc đưa nhiều công trình y tế mới vào phục vụ, bổ sung nhiều trang thiết bị và tăng cường nguồn nhân lực. Đến nay có trên 90% trạm y tế đủ điều kiện khám chữa bệnh cho người có thẻ BHYT. Số giường bệnh nội trú là 8.675, trong đó có 1.615 giường bệnh của các bệnh viện tư nhân. Tinh thần phục vụ, kỹ năng ứng xử của nhân viên y tế có chuyển biến tích cực. Trong năm đã khám bệnh cho 7.224.078 lượt người, tăng 4% so với năm 2017; điều trị nội trú cho 340.125 người, tăng 4% so với 2017.

Thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin, sắp xếp, bố trí lại các khoa, phòng, kê thêm giường để đáp ứng nhu cầu của người bệnh. Tiếp tục cải tiến quy trình, thủ tục khám bệnh, mở thêm bàn khám, tăng thời gian làm việc (tổ chức khám bệnh sớm hơn và kéo dài thời gian làm việc, khám cả ngày lễ, ngày nghỉ), hẹn tái khám một số bệnh vào buổi chiều, đăng ký khám qua mạng, cùng với việc triển khai hệ thống phát số tự động, trang bị thêm ghế chờ, máy móc xét nghiệm... đã góp phần giảm thời gian chờ đợi khám bệnh của người bệnh, giảm lãng phí xã hội.

Mạng lưới khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền tiếp tục ổn định, các bệnh viện và trung tâm y tế có chức năng khám bệnh đều có khoa, các trạm y tế có bộ phận khám chữa bệnh bằng YHCT. Tỷ lệ khám chữa bệnh bằng YHCT (kể cả kết hợp Y học hiện đại) so với tổng khám chữa bệnh chung của từng tuyến đã có bước cải thiện chiếm gần 20% trên tổng số lượt khám chữa bệnh chung, trong đó với 12%



ở tuyến tỉnh, 22% ở tuyến huyện và xã. Cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước hiện đại hóa; các quy trình kỹ thuật YHCT từng bước được chuẩn hóa; ứng dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn được đẩy mạnh. Công tác quản lý hành nghề, khám chữa bệnh bằng YHCT chặt chẽ và có hiệu quả hơn.

Tiếp tục tăng cường quản lý hành nghề y dược tư nhân: phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và các quy chế chuyên môn; đẩy nhanh việc cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Kết quả cho thấy về cơ bản các cơ sở chấp hành pháp luật hành nghề y tế tư nhân; tuy nhiên, một số ít cơ sở chưa có đủ chứng chỉ hành nghề của bác sỹ, giá thuốc cao hơn so với giá trần được quy định.

Tiếp nhận và thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh, kinh doanh dược 1.594 hồ sơ, trong đó: Giải quyết cấp mới, cấp lại, cấp bổ sung phạm vi, thay đổi trên chứng chỉ hành nghề (1.396 hồ sơ); không cấp (193 hồ sơ), thu hồi chứng chỉ hành nghề (05 hồ sơ). Tổ chức tốt công tác thẩm định cấp phép hoạt động cho các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh khám, chữa bệnh và kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh và được xử lý theo quy trình ISO, tiếp nhận 1.306 hồ sơ, trong đó: Cấp mới, cấp lại giấy phép hoạt động (1.110 hồ sơ); thu hồi giấy phép hoạt động (196 hồ sơ).

Hoàn thành tốt công tác đấu thầu thuốc năm 2018; thẩm định đấu thầu hóa chất, vật tư y tế tiêu hao của các đơn vị trình UBND tỉnh phê duyệt. Bảo đảm cung cấp kịp thời thuốc, hóa chất, dịch truyền, máu, bình ổn giá thuốc, điều chuyển số lượng giữa các đơn vị.

8. Công tác Quản lý dược và đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng

- Quản lý dược

Phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản của Cục QLD và Bộ Y tế, hình thức văn bản hướng dẫn thực hiện đăng trên Website của Sở Y tế. Tổ chức hội nghị phổ biến Luật Dược 105/2016/QH13, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược cho tổ chức, cá nhân người hành nghề trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 09/2/2018 của Bộ y tế về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc... và Quyết định 540/QĐ-QLD ngày 20/8/2018 của Cục Quản lý Dược về việc ban hành “ Chuẩn yêu cầu dữ liệu đầu ra phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin kết nối liên thông giữa các cơ sở thuốc” phiên bản 1.0; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 23/8/2018 của Chính phủ về việc tăng cường quản lý, kết nối cơ sở cung ứng thuốc; triển khai thực hiện về ứng dụng CNTT kết nối liên thông cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn; triển khai Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quy định điều kiện sản xuất mỹ phẩm.

Xây dựng và triển khai thực hiện giai đoạn một Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường kiểm soát kê đơn và bán thuốc kê đơn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018-2020”.

Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc có chất lượng, giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu KCB của nhân dân, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa, thuốc

theo yêu cầu điều trị đặc biệt của cơ sở KCB, cho chương trình mục tiêu y tế kể cả tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Chất lượng thuốc đã được quản lý chặt chẽ và toàn diện ở tất cả các khâu từ sản xuất, bảo quản, lưu thông, phân phối, bán buôn, bán lẻ.

Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, kiểm tra cấp chứng nhận GPS; công bố mỹ phẩm; thông tin quảng cáo thuốc, mỹ phẩm; nhận thuốc phi mậu dịch... được thực hiện đúng theo quy trình ISO đã được phê duyệt.

- Trang thiết bị y tế và cơ sở hạ tầng

Bảo đảm tiến độ thi công các dự án xây dựng cơ bản ngành y tế, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2017 sang năm 2018. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để giảm quá tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Năm 2018, khởi công xây dựng mới 9 Trạm Y tế; thực hiện dự án "Chẩn đoán nhanh và sơ cấp cứu cho y tế cơ sở. Đầu tư cho 11 Trung tâm Y tế tuyến huyện gói trang thiết bị hơn 79 tỷ đồng bao gồm các máy như: CT-Scanner 16 lát cắt, hệ thống X-quang cao tần kỹ thuật số, chạy thận nhân tạo, siêu âm màu 4D, gậy mê giúp thở.... Dự án Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đạt chuẩn Quốc gia hoàn thiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị trong năm 2018 và dự kiến bàn giao đi vào hoạt động cuối quý I/2019.

9. Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ y tế:

Nguồn nhân lực ngành y tế tiếp tục được bổ sung thông qua tuyển dụng, đào tạo và thu hút cán bộ. Năm 2018 đã cử đi đào tạo mới hệ sau đại học 64 người (05 thạc sỹ, 03 BSCKII và 56 BSCKI); đào tạo liên thông 32 người (08 bác sỹ, 03 BSYHCT, 21 CNYT); đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính: 77 người; lớp quản lý nhà nước ngạch kế toán viên: 95 người (cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế); bồi dưỡng nhân viên y tế thôn ấp: 555 người; đào tạo theo địa chỉ: 20 người (18 người học tại Đại học Y dược thành phố Cần Thơ, 02 người học tại trường Đại học Y dược Phạm Ngọc Thạch), 11 người học liên thông (08 bác sĩ đa khoa, 03 bác sĩ YHCT).

Triển khai thực hiện Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ về tự công bố cơ sở đủ điều kiện đào tạo thực hành trong khối ngành khoa học sức khỏe.

Hiện nay, toàn tỉnh có 2.470 bác sỹ, đạt 8,0 bác sỹ/vạn dân đã đạt mức khá so với các tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt đề án hỗ trợ và thu hút đối với cán bộ, viên chức ngành y tế. Hệ thống y tế tư nhân với các bệnh viện và phòng khám đa khoa đi vào hoạt động đã góp phần thu hút và bổ sung đội ngũ CBYT, nhất là tăng cường đội ngũ bác sỹ làm việc trên địa bàn tỉnh.

10. Phát triển xã hội hóa y tế

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho y tế, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư bệnh viện, phòng khám đa khoa tư nhân

và các dịch vụ y tế khác; các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa để đầu tư trang thiết bị y tế và các dịch vụ theo yêu cầu.

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có trên 3.000 cơ sở y tế tư nhân; trong đó có 60 phòng khám đa khoa, 06 bệnh viện tư nhân hoạt động với tổng cộng trên 1.000 giường bệnh nội trú, trên 10 công ty dược. Các cơ sở y tế tư nhân đã đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại như máy CT scanner, MRI, siêu âm doppler màu, X quang kỹ thuật số, nội soi, máy xét nghiệm tự động,...

Các cơ sở y tế công lập tiếp tục quản lý, vận hành tốt các cơ sở dịch vụ và thiết bị đã đầu tư bằng vốn xã hội hóa, đồng thời tiếp tục đầu tư mới thiết bị bằng nguồn vốn xã hội hóa thông qua hình thức vay vốn ngân hàng và liên doanh liên kết để phát triển các dịch vụ y tế.

Đẩy mạnh phát triển khám chữa bệnh ban đầu cho người có thẻ BHYT đến các trạm y tế, phòng khám đa khoa tư nhân và bệnh viện tư nhân, các bệnh xá cơ quan, nhà máy, xí nghiệp... tạo thuận lợi cho người dân trong khám, chữa bệnh.

11. Thông tin y tế

Thực hiện Chỉ thị 07 của Bộ Y tế về tăng cường công tác thông tin thống kê y tế đã tổ chức thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh. Đẩy mạnh dự án công nghệ thông tin quản lý ngành y tế giai đoạn 2. Mở rộng triển khai “Văn phòng điện tử” đến các đơn vị trực thuộc Sở Y tế. Tiếp tục duy trì tốt trang Web của Ngành y tế để thực hiện chế độ chuyển văn bản và tăng tải các chính sách, pháp luật của nhà nước trên lĩnh vực y tế, cũng như giới thiệu, hướng dẫn các quy trình giải quyết thủ tục hành chính của Sở Y tế trên mạng.

Thực hiện đồng bộ việc ứng dụng CNTT phần mềm eHospital giai đoạn 2 tại các cơ sở y tế trên địa bàn, cụ thể: Các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa khu vực, trung tâm y tế các huyện, phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế xã, phường, thị trấn. Triển khai thực hiện Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020. Thực hiện tin học hóa các hoạt động của y tế cơ sở và quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe của từng người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng bộ và kết nối hệ thống thông tin giữa các cơ sở y tế để theo dõi, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn; xây dựng và triển khai thực hiện bệnh án điện tử (EMR); quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

Tăng cường đầu tư hệ thống công nghệ thông tin cho các cơ sở y tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý ngành.

12. Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động y tế

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động y tế được đẩy mạnh về thực hiện chế độ tự chủ tại các đơn vị; thanh kiểm tra hành nghề y tế tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh lao động, vệ sinh học đường và vệ sinh môi trường kết quả như sau:

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra các cơ sở hành nghề y, được tư nhân theo kế hoạch và đơn thư phản ánh của người dân: Thanh tra Sở Y tế thanh tra, kiểm tra 186 cơ sở, trong đó (135 cơ sở theo kế hoạch, 51 cơ sở đột xuất), đạt 100% theo kế hoạch, tổng số cơ sở vi phạm: 52/186 cơ sở; ra quyết định xử phạt VPHC với số tiền 936.100.000 đồng. Xử phạt các cơ sở kinh doanh do vi phạm hết hạn các loại giấy phép với 48 cơ sở, ra quyết định xử phạt VPHC là 313.000.000 đồng.

Tiếp nhận và giải quyết 44 đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại trong đó có 21 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

Thanh tra, kiểm tra hành chính công vụ tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh và Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch, tổng số tiền thu phải thu hồi là 109.648.751 đồng

Thực hiện thanh tra, kiểm tra 25.759 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trong đó có 22.015 cơ sở đạt tiêu chuẩn ATVSTP (85,5%); số cơ sở vi phạm 3.744 với 91 cơ sở phạt số tiền 448.794.000đ và nhắc nhở 3.653 cơ sở.

II. Tài chính y tế:

Thực hiện giao dự toán chi đầu tư, chi thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế theo đúng tổng mức được UBND tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư và Sở Tài chính giao, đảm bảo thời gian theo quy định của Luật NSNN.

1. Thực hiện cơ chế tài chính, giá dịch vụ khám chữa bệnh

Thực hiện đúng quy định Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp. Triển khai thực hiện Nghị Quyết 71/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 về việc Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đúng quy định.

Đến nay đã thực hiện mức giá có tiền lương theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ công quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Việc điều chỉnh giá đã làm tăng tỷ lệ tham gia BHYT, về cơ bản không làm ảnh hưởng đến người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội, bảo đảm mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, giảm bớt thủ tục hành chính cho các đơn vị (không phải xây dựng, ban hành định mức, tính lại giá để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt). Đặc biệt là việc tính tiền lương vào giá đã góp phần làm giảm số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước; tiền lương của cán bộ y tế do bảo hiểm y tế và người bệnh chi trả nên thúc đẩy các bệnh viện phải nâng cao chất lượng dịch vụ thì mới có nguồn kinh phí để chi trả tiền lương, chất lượng thấp, người bệnh không đến hoặc BHYT không ký hợp đồng thì bệnh viện có nguy cơ bị đóng cửa do không có kinh phí.

Tình hình triển khai công tác khám chữa bệnh theo yêu cầu; việc thực hiện xã hội hóa, liên doanh, liên kết trang thiết bị y tế được triển khai đúng quy định. Đẩy mạnh triển khai Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ về một số cơ chế chính sách phát triển y tế; vay vốn Ngân để triển khai các gói tín dụng ưu đãi hỗ trợ đầu tư phát triển y tế, tiếp tục thực hiện mô hình đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Thực hiện chi ngân sách nhà nước cho y tế

Sở Y tế đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ thu, nộp, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí;

* **Tổng chi ngân sách sự nghiệp y tế năm 2018:** **729.555 triệu đồng**

Bao gồm:

- Ngân sách địa phương:	721.949 triệu đồng
+ Khối quản lý nhà nước:	14.293 triệu đồng
+ Khám chữa bệnh:	173.150 triệu đồng
(phần lương giao trong cơ cấu giá thu	268.224 triệu đồng)
+ Y tế tuyến xã:	159.655 triệu đồng
+ Sự nghiệp Dân số:	8.894 triệu đồng
+ Phòng bệnh, sự nghiệp y tế khác:	146.537 triệu đồng
+ Chương trình mục tiêu (KP địa phương):	53.065 triệu đồng
+ Trợ cấp tết	8.919 triệu đồng
+ Trợ cấp hỗ trợ, thu hút:	26.774 triệu đồng
+ Sự nghiệp môi trường:	1.688 triệu đồng
+ Sự nghiệp đào tạo:	13.728 triệu đồng
+ KP mua sắm giường bệnh HSCC; trang thiết bị y tế:	98.123 triệu đồng
+ Quỹ KCBNN:	5.000 triệu đồng
(chưa bao gồm bổ sung quỹ kcbnn từ nguồn kết dư BHYT 5.000 triệu đồng)	
+ Sự nghiệp y tế KTX khác:	11.987 triệu đồng
- Ngân sách trung ương thực hiện CTMT YTDS:	7.606 triệu đồng
- Ước thu bổ sung nguồn KPHĐ:	2.215.639 triệu đồng
+ Nguồn thu Phí để lại sử dụng :	5.238 triệu đồng
+ Nguồn thu DV KCB, DV YTDP (giá nhà nước) :	2.077.555 triệu đồng
+ Nguồn dịch vụ, khám chữa bệnh theo yêu cầu :	116.517 triệu đồng
+ Nguồn dự án XHH, liên doanh, liên kết:	16.329 triệu đồng.

(Không bao gồm: chi mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 05 tuổi và người nghèo; chi đào tạo của Trường Cao đẳng y tế; chi đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học của ngành y tế theo đề án của tỉnh do Sở KHCN quản lý).

III. Đánh giá kết quả công tác y tế năm 2018

1. Ưu điểm

Năm 2018, tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt số ca mắc bệnh sốt xuất huyết tăng cao; trong tình hình đó, các cấp ủy Đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung chỉ đạo và tổ chức tốt công tác phòng chống dịch bệnh. Có sự phối hợp tốt giữa ban ngành, đoàn thể và chính quyền các cấp trong công tác phòng chống dịch. Thông qua các giải pháp đồng bộ và quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của công đồng nên đã khống chế tốt dịch sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh trong những tháng cuối năm. Thực hiện hiệu quả các chương trình y tế dự phòng góp phần khống chế tốc độ lây lan nhiều bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm như: Lao, phong, sốt rét, bướu cổ, HIV/AIDS... Tỷ lệ sinh giảm, tỷ lệ đối tượng được sàng lọc trước sinh và sau sinh tiếp tục tăng.

Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được tinh gọn và hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện, đang thực hiện sáp nhập 07 trung tâm y tế tuyến tỉnh thành Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC); sáp nhập Trung tâm DS-KHHGD tuyến huyện vào TTYT huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa. Thống nhất mô hình trung tâm y tế huyện, thành phố thuộc tỉnh, thực hiện đầy đủ các chức năng về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng; các phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện là đơn vị chuyên môn thuộc Trung tâm y tế huyện; số lượng người làm việc tại trạm y tế xã nằm trong tổng số người làm việc của Trung tâm y tế huyện được xác định theo vị trí việc làm trên cơ sở khối lượng công việc phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế ở địa phương, đã tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế, đa số các cơ sở y tế đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới, nhiều công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng với cơ sở hạ tầng và thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Thực hiện duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế, 100% trạm y tế có bác sỹ hoạt động, phát huy hiệu quả trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền trong công tác phát triển y tế. Các hoạt động y tế được thành lập và duy trì hoạt động của nhiều Ban chỉ đạo nhằm chỉ đạo và phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ y tế quan trọng như các Ban chỉ đạo: Phòng chống dịch, bệnh; Chương trình mục tiêu; xây dựng xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế... Đã có sự phối hợp hiệu quả hơn giữa ngành y tế với các ngành, tổ chức xã hội trong công đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ nâng cao chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Nguồn nhân lực y tế cơ sở ngày càng hoàn thiện, do đã thực hiện tốt chính sách thu hút ở các địa phương. Đến nay toàn ngành có trên 2.470 bác sỹ, đạt 8,0 bác sỹ/vạn dân, 171/171 trạm y tế có bác sỹ hoạt động, nhiều trạm y tế có 02 bác sỹ, có được sỹ đại học và nữ hộ sinh đại học góp phần làm thay đổi phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng hoạt động tại tuyến y tế cơ sở. Thực hiện tốt các chương trình đào tạo sinh viên y dược theo địa chỉ sử dụng và phân công sinh viên ra trường về công tác tại các cơ sở y tế.

Hệ thống khám chữa bệnh phát triển cả về quy mô, chất lượng và được phân bố hợp lý. Nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao được triển khai thực hiện; mạng lưới khám chữa bệnh bằng y dược cổ truyền và kết hợp y học hiện đại với y học cổ

truyền được quan tâm và tiếp tục phát triển mạnh. Phát huy hiệu quả hoạt động khám chữa bệnh tại các bệnh viện được đầu tư xây mới, chất lượng khám, chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, điều kiện khám, chữa bệnh cho nhân dân được cải thiện đạt hiệu quả cao. Thực hiện tốt đề án bệnh viện vệ tinh tại 03 bệnh viện lớn của tỉnh. Hệ thống y tế ngoài công lập hoạt động hiệu quả góp phần giảm tải cho y tế công lập. Nhiều kỹ thuật mới tiếp tục được triển khai theo đề án 1816. Tổ chức tốt công tác đấu thầu tập trung cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế và công tác bình ổn giá thuốc, thực hiện thẩm định kế hoạch đấu thầu vật tư y tế, hóa chất của các đơn vị trực thuộc và đề xuất chủ trương đấu thầu tập trung vật tư y tế, hóa chất của các đơn vị trên địa bàn. Ngành y tế đã tích cực triển khai thực hiện đổi mới phong cách phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh và thực hiện quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

Triển khai phổ biến Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Thông tư số 27/2018/TT-BYT ngày 26/10/2018 hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan tới HIV/AIDS; Quyết định số 6556/QĐ-BYT ngày 31/10 ban hành mẫu bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh sử dụng tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh, nhằm giúp người dân biết được quyền lợi khi tham gia bảo hiểm y tế, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; cán bộ y tế tuyến cơ sở có thể hiểu rõ hơn về những điểm mới trong thực hiện Luật bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT tăng khá nhanh, đến nay đạt 84,5% dân số.

Thực hiện đồng bộ việc ứng dụng CNTT phần mềm eHospital giai đoạn 2 tại các cơ sở y tế trên địa bàn, cụ thể: Các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa khu vực, trung tâm y tế các huyện, phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế xã, phường, thị trấn. Triển khai thực hiện Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020. Thực hiện tin học hóa các hoạt động của y tế cơ sở và quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe của từng người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng bộ và kết nối hệ thống thông tin giữa các cơ sở y tế để theo dõi, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn; xây dựng và triển khai thực hiện bệnh án điện tử (EMR); quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

Thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra hành nghề y dược tư nhân theo kế hoạch và đột xuất. Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, Chứng chỉ hành nghề Dược, Giấy phép hoạt động KBCB, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc. Định kỳ công bố kết quả cấp CCHN và GPHE đúng quy định.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Tình trạng bác sỹ nghỉ việc ở một số cơ sở y tế khám, chữa bệnh gây khó khăn cho công tác hoạt động chuyên môn, khám chữa bệnh BHYT, phát triển chuyên môn kỹ thuật, đào tạo nâng cao trình độ, quy hoạch bố trí cán bộ quản lý điều hành... Chất lượng khám, chữa bệnh phát triển chưa đồng đều nhất là tuyến huyện và tuyến xã vẫn còn hạn chế. Tỷ lệ người tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh

chưa cao. Vẫn còn có phản ánh và không hài lòng của bệnh nhân về thái độ giao tiếp và tinh thần phục vụ của nhân viên y tế. Còn xảy ra một số sai phạm trong hành nghề y tế tư nhân như hoạt động không phép, vượt phạm vi chuyên môn cho phép, lạm dụng kỹ thuật.

Một số cơ sở y tế cơ sở vật chất xuống cấp, chưa được đầu tư xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp do khó khăn về giải phóng mặt bằng hoặc chưa có nguồn vốn đầu tư, thiếu trang thiết bị; thiếu bác sỹ có trình độ tay nghề chuyên môn cao để phát triển những kỹ thuật chuyên sâu.

Tỷ lệ lây nhiễm một số bệnh nhiễm trùng còn cao như bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, tiêu chảy, lao... và một số dịch bệnh mới phát sinh, nguy cơ phát sinh dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm xảy ra còn tiềm ẩn. Công tác vệ sinh học đường, vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp chưa theo kịp so với quy mô và tốc độ phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đã có sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của cộng đồng trong việc tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên một số tập tục, thói quen lạc hậu không có lợi cho sức khỏe vẫn còn tồn tại, nhất là ở nông thôn, vùng đồng bào dân tộc và một số đồng bào tôn giáo.

Phần thứ 2

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp, các dịch bệnh nguy hiểm MERS – CoV, Ebola, H7N9, Zika, H5N1 có khả năng bùng phát lây lan, nhiều nguy cơ bùng phát dịch bệnh mới phát sinh. Mặc dù đã kiểm soát khá tốt dịch bệnh, nhưng các bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi vẫn có nguy cơ bùng phát thành dịch lớn; tỷ lệ lao kháng thuốc gia tăng. Hiện tượng biến đổi khí hậu và hiệu ứng nhà kính tiếp tục tác động đến sức khỏe người dân.

Thời gian qua ngành y tế Đồng Nai đã được quan tâm đầu tư trên cả 3 phương diện: nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị. Tuy nhiên, để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới góp phần đảm bảo an sinh - xã hội, quốc phòng – an ninh, ngành y tế tỉnh Đồng Nai cần tiếp tục được đầu tư cả về nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh, dịch bệnh, góp phần tăng tuổi thọ, nâng cao các chỉ số sức khỏe cơ bản của người dân. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế, tạo nền tảng vững chắc để phát triển hệ thống y tế công bằng, hiệu quả, chất lượng và bền vững, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các tầng lớp nhân dân.

III. CÁC CHỈ TIÊU

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,02%;

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi 8,2%;
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi 23%;
- Số bác sĩ trên 1 vạn dân: 8,2;
- Số giường bệnh trên 1 vạn dân: 28,5; trong đó: Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân y tế Nhà nước đạt 22 giường/1vạn dân và y tế Tư nhân 6,5 giường/1vạn dân.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 87,1%;
- Thu gom, xử lý chất thải y tế đạt 100%.
- Tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế 100%.
- Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ: >98%.
- Tỷ lệ xã, phường có bác sĩ trong định biên: 100%

IV. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Thực hiện Kế hoạch Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 20-21 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và “công tác dân số trong tình hình mới” trong giai đoạn 2019-2030; trong đó đề ra các nhiệm vụ trọng tâm là: (1) Nâng cao sức khỏe nhân dân; (2) Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở; (3) Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện; (4) Đẩy mạnh phát triển ngành Dược và thiết bị y tế; (5) Phát triển nhân lực và khoa học – công nghệ y tế; (6) Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế; (7) Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế; Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế. (8) Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số; (9) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số, tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần; (10) Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số; bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số; (11) Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho dân số và phát triển; (12) Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số; (13) Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách ngân sách năm 2019, trong năm 2019 ngành y tế tập trung triển khai các nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

1.1. Công tác xây dựng và triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước

- Tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các quyết định, kế hoạch, chương trình của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật về y tế theo thẩm quyền; rà soát văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật. Tham mưu UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch, quyết định... liên quan đến công tác quản lý nhà nước về y tế.

1.2. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị Quyết số 18-NQ/TW và Nghị Quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng (Khóa XII).

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế; Tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thành trung tâm kiểm soát bệnh, tật tật.

Tiếp tục xây dựng kiện toàn mạng lưới cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; củng cố và ổn định mô hình tổ chức của các trạm y tế xã, phường, thị trấn; tập trung củng cố và đầu tư cho y tế cơ sở theo Kế hoạch số 5463/KH-UBND ngày 08/6/2017 của UBND nhân dân tỉnh về phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Triển khai thực hiện tốt các nội dung của chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020.

Tích cực triển khai thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Tăng cường cập nhật và công khai thủ tục hành chính.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng quản lý hành chính nhà nước và đẩy mạnh số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 4.

Thực hiện tốt “một cửa” và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo ISO hành chính công. Các đơn vị trong ngành, nhất là các bệnh viện tiếp tục thực hiện quản lý chất lượng theo ISO.

1.4. Nâng cao năng lực và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát

Xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra năm 2019. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tiếp tục xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng công tác hệ thống thanh tra, kiểm tra y tế và mạng lưới cán bộ làm công tác thanh tra của thủ trưởng, thanh tra nhân dân tại các đơn vị trực thuộc.

Tiếp tục phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và tập huấn nghiệp vụ thanh tra về các lĩnh vực: khám chữa bệnh, dược, trang thiết bị y tế, y tế dự phòng, bảo hiểm y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, thanh tra của thủ trưởng, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong ngành y tế.

2. Đẩy mạnh thực hiện xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới

Tiếp tục tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực của y tế cơ sở, triển khai mô hình trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình, quản lý sức khỏe đến từng người dân.

Thực hiện khám, chữa bệnh theo phân tuyến và theo Thông tư 39/2017/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở. Thực hiện phân loại để quản lý, theo dõi, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính tại trạm y tế xã.

Tiếp tục thực hiện đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên bác sỹ từ trung tâm y tế về trạm y tế xã và ngược lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức y tế xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trạm y tế xã.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khuyến khích y tế tư nhân, các tổ chức xã hội, tôn giáo tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động, dự phòng, nâng cao sức khỏe, khám sàng lọc, phát hiện sớm bệnh tật cho nhân dân ngay tại cộng đồng.

3. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nâng cao sức khỏe

Các đơn vị trực thuộc tăng cường phối hợp lẫn nhau và các cơ quan liên quan tuyên truyền vận động người dân về nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi như: phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm, tăng cường luyện tập thể dục thể thao; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường, không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia...

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Kế hoạch số 7315/KH-UBND ngày 17/6/2018 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và Kế hoạch số 7875/KH-UBND ngày 27/7/2018 về thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về “công tác dân số trong tình hình mới”; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Tăng cường quản lý môi trường y tế

Triển khai sâu, rộng Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân: trên 90% hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh; 92% trạm y tế xã có nước sạch và 100% trạm y tế xã nhà tiêu hợp vệ sinh;

Nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt cho cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở, năng lực đánh giá tác động sức khỏe, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cán bộ y tế tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Tiếp tục kiểm tra, giám sát vệ sinh chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt theo quy định; 95% nhà máy, trạm cấp nước được quản lý, 85% chợ được giám sát về thu gom và xử lý chất thải, 100% cơ sở y tế công lập thực hiện quản lý chất thải.

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức cho người lao động, nâng cao năng lực khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám sát về môi trường lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp. 20% cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; 29% cơ sở lao động được thực hiện quan trắc môi trường lao động.

Tăng cường giáo dục, truyền thông về phòng, chống tai nạn, thương tích trên phạm vi toàn tỉnh. Củng cố, phát triển mạng lưới và năng lực sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích tại cộng đồng và chăm sóc chấn thương tại các cơ sở y tế. Triển khai, nâng cao chất lượng hệ thống giám sát tử vong, giám sát điểm tai nạn, thương tích tại cộng đồng. Tăng cường triển khai các mô hình an toàn phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng; phòng chống tai nạn giao thông đường bộ, phòng chống đuối nước ở trẻ em,...

5. Chủ động phòng, chống dịch bệnh và triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu y tế dân số.

Triển khai công tác phòng chống dịch chủ động, dự báo, phát hiện sớm, không chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm. Giám sát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch truyền nhiễm, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như Zika, H7N9, MERS - CoV, Ebola, H5N1...

Triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu y tế - dân số và các chương trình, đề án liên quan về phòng, chống bệnh không lây nhiễm. Đẩy mạnh các biện pháp để kiểm soát yếu tố nguy cơ, tập trung vào phòng chống tác hại thuốc lá, rượu bia, tăng cường vận động thể lực, giảm tiêu thụ muối, nước ngọt có đường và dinh dưỡng hợp lý. Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng và tăng cường năng lực giám sát bệnh không lây nhiễm. Mở rộng triển khai hoạt động phát hiện sớm, dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã và tại cộng đồng.

Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình mục tiêu y tế - dân số, tập trung vào kiểm soát các yếu tố nguy cơ, hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm tại cộng đồng do bệnh không lây nhiễm; củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng và tăng cường năng lực giám sát bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động y tế trường học, gắn với y tế cơ sở, đẩy mạnh truyền thông, giám sát điều kiện vệ sinh trường học, phòng chống các bệnh tật học đường.

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ và chất lượng tiêm chủng mở rộng, bảo đảm vắc xin cho tiêm chủng mở rộng, phát triển các loại hình tiêm chủng dịch vụ để người dân tiếp cận ngày càng nhiều với các loại vắc xin, đảm bảo tiêm chủng an toàn hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ vắc xin ở trẻ em dưới 1 tuổi đạt trên 98%.

6. Phòng, chống HIV/AIDS

Mở rộng hoạt động xét nghiệm phát hiện người nhiễm HIV chủ động, tập trung xét nghiệm HIV ở các khu vực trọng điểm, các nhóm nguy cơ cao qua hình thức xét nghiệm HIV dựa vào cộng đồng, tự xét nghiệm HIV và các cơ sở y tế.

Tăng cường các hoạt động can thiệp, giảm tác hại, dự phòng lây nhiễm HIV. Tiếp tục thành lập các cơ sở điều trị methadone và duy trì và nâng cao chất lượng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone; tiếp tục mở rộng cấp phát bơm tiêm, bao cao su cho các đối tượng nguy cơ cao.

Mở rộng và nâng cao chất lượng điều trị HIV/AIDS; triển khai cấp phát thuốc ARV tại tuyến y tế cơ sở, cấp phát thuốc ARV nhiều tháng cho các bệnh nhân ổn định.

Tiếp tục huy động các nguồn tài chính cho công tác phòng, chống HIV/AIDS; điều trị HIV/AIDS thông qua BHYT (thanh toán BHYT cho bệnh nhân HIV/AIDS theo quy định); tiếp tục huy động các nguồn tài trợ quốc tế cho phòng, chống HIV/AIDS; đảm bảo cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật phẩm cho công tác phòng, chống HIV/AIDS.

7. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Tăng cường công tác thông tin, giáo dục truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và thực hành đảm bảo ATTP của chính quyền các cấp, của người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm.

Tiếp phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác thanh kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành chính về ATTP.

Tiếp tục công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, tăng cường công tác thanh kiểm tra, đặc biệt trong các dịp cao điểm trong năm như Tết Nguyên đán năm 2019, Tháng hành động vì ATTP, Tết Trung thu nhằm giảm thiểu tối đa nguy cơ ngộ độc thực phẩm hàng loạt tại gia đình và các bếp ăn tập thể.

Tiếp tục vận hành hệ thống tự kiểm tra ATTP trong bếp ăn tập thể ở các công ty và trường học để chủ động giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo ATTP tại bếp ăn tập thể.

Xây dựng và duy trì công tác giám sát mô hình điểm về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác an toàn thực phẩm

8. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để giảm quá tải, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh

Triển khai thực hiện 28,5 giường bệnh/1 vạn dân. Tổng số giường bệnh nội trú 8.925, trong đó: y tế nhà nước: 6.895 giường, y tế tư nhân: 2.030 giường. Giường lưu bệnh tại trạm y tế: 855. Số lượt khám bệnh 7.969.000; trong đó y tế công lập 7.069.000, y tế ngoài công lập 900.000; công suất sử dụng giường bệnh > 85%.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh kết hợp học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh nhằm nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh.

Thực hiện tốt đề án 1816, tăng cường công tác chỉ đạo tuyến nhằm hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật của tuyến trên cho tuyến dưới; tiếp tục thực hiện Đề án Bệnh viện vệ tinh các bệnh viện lớn của thành phố Hồ Chí Minh nhằm triển khai kỹ thuật chuyên sâu, kỹ thuật cao tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, Bệnh viện đa khoa Thống Nhất và Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai. Tăng cường đầu tư hạ tầng, thiết bị cho các cơ sở khám chữa bệnh.

Nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cán bộ, viên chức các bệnh viện và các trung tâm y tế có giường bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, quản lý thông tin bệnh nhân và bảo hiểm y tế, tiến đến triển khai thực hiện bệnh án điện tử các bệnh viện trong tỉnh.

Chuẩn hóa hệ thống xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh, tiến đến công nhận kết quả xét nghiệm giữa các bệnh viện.

Tăng cường quản lý hành nghề y dược tư nhân: Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các cơ sở hành nghề KCB tư nhân; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp khám bệnh, chữa bệnh vượt quá phạm vi hoạt động chuyên môn cho phép. Thực hiện việc cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân theo đúng quy định.

Đẩy mạnh việc khám, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền và kết hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại so với tổng số người bệnh được khám, chữa bệnh. Tăng cường phối hợp, với các cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan và cơ sở khám chữa bệnh kiểm tra chất lượng dược liệu trên thị trường và giám sát các hoạt động chuyên môn của các cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở sản xuất dược liệu.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tăng cường ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

9. Thông tin y tế

Hoàn thành dự án Công nghệ thông tin giai đoạn 3. Tiếp tục triển khai bệnh án điện tử và hồ sơ sức khỏe cá nhân, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung cho toàn ngành. Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê tại các đơn vị và tăng cường phổ biến thông tin thống kê.

Nâng cấp hệ thống thông tin tại các đơn vị trực thuộc và tiếp tục mở rộng thực hiện dịch vụ hành chính công đến người dân và doanh nghiệp.

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Dự án công nghệ thông tin giai đoạn 3. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong KCB và thanh toán BHYT (cập nhật bộ danh mục dùng chung, trích chuyển dữ liệu giữa cơ sở KCB và cơ quan BHXH,...).

Nâng cao hiệu quả, tính chủ động của công tác truyền thông cung cấp thông tin, giáo dục sức khỏe để tạo được sự đồng thuận, ủng hộ và thu hút sự vào cuộc của các cấp ủy, đảng, chính quyền, các cơ quan truyền thông, dư luận và mỗi người dân.

10. Dược, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

- Quản lý Dược

Tiếp tục tăng cường phát triển ngành dược, nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế. Sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh.

Đấu thầu tập trung mua thuốc, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân; đấu thầu tập trung thuốc cung ứng cho các nhà thuốc trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường các biện pháp phát hiện và thu hồi thuốc kém chất lượng, phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm chất lượng thuốc. Thanh, kiểm tra thực hiện quy định của pháp luật, quy chế chuyên môn dược, tập trung công tác kiểm soát sản xuất, xuất nhập khẩu, mua bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ.

- Trang thiết bị và công trình y tế

Tiếp tục đánh giá hiện trạng và nhu cầu trang thiết bị y tế tại cơ sở y tế; rà soát, cập nhật danh mục trang thiết bị y tế thiết yếu cho các cơ sở y tế. Tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế. Tăng cường bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị y tế để tăng cường hiệu quả đầu tư trang thiết bị y tế và chất lượng dịch vụ y tế. Các đơn vị phải phân bổ kinh phí cho việc bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa trang thiết bị và cơ sở y tế. Trích lập quỹ khấu hao tài sản từ nguồn thu phí để tái đầu tư trang thiết bị y tế khi có nhu cầu cần thiết.

11. Tài chính y tế

Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho y tế, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế, vay vốn tín dụng ưu đãi của một số ngân hàng cho các bệnh viện, nhà đầu tư để đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, nâng cao năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh.

Nghiên cứu xây dựng các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong lĩnh vực y tế và kêu gọi các nhà đầu tư để thực hiện một số dự án PPP, xã hội hóa.

Ưu tiên phân bổ NSNN chi đầu tư cho YTCS, chi thường xuyên cho YTDP, các chương trình mục tiêu. Tiếp tục triển khai tốt chính sách BHYT và các chính sách khác về hỗ trợ KCB cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số vùng kinh tế - xã hội khó khăn và các đối tượng dễ bị tổn thương.

Tổ chức điều hành dự toán ngân sách năm 2019 chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách, bảo đảm sử dụng các nguồn kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả, đúng chế độ. Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phải được

thực hiện theo dự toán. Quản lý chặt việc ứng trước và chuyển nguồn chi thường xuyên. Chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thực sự cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

12. Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân

Triển khai các giải pháp để mở rộng đối tượng, đặc biệt là nhóm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, tăng tỷ lệ bao phủ BHYT theo Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Năm 2019, tỷ lệ người dân sử dụng bảo hiểm y tế đạt 87,1%.

Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh BHYT, cải cách thủ tục hành chính trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT, cải tiến quy trình thanh toán khám bệnh, chữa bệnh BHYT, quản lý và sử dụng quỹ BHYT có hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền về nghĩa vụ và quyền lợi khi mua BHYT, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về BHYT. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BHYT, thực hiện nghiêm công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT.

Phần thứ ba

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế để triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-21 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” và “công tác dân số trong tình hình mới” trong giai đoạn 2019-2030; Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, đề án phát triển ngành trong thời gian tới.

2. Đề nghị Tỉnh ủy, HĐND, UBND quan tâm chỉ đạo, bổ sung vốn đầu tư công cho ngành y tế, đặc biệt là một số bệnh viện, trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã miền núi, vùng sâu, vùng xa; một số dự án xuống cấp để đáp ứng nhu cầu KCB cho nhân dân được tốt hơn.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với ngành y tế thực hiện Kế hoạch số 5463/KH-UBND ngày 08/6/2017 của UBND nhân dân tỉnh về phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Về nguồn vốn đầu tư: Đề nghị ưu tiên bố trí ngân sách cho phát triển y tế cơ sở, trạm y tế, y tế dự phòng, chương trình mục tiêu y tế - Dân số từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn kết dư BHYT (nếu có), ODA, từ chi sự nghiệp y tế để sửa chữa, nâng cấp các cơ sở y tế xuống cấp. Đẩy mạnh việc thu hút đầu tư xã hội hóa, đầu tư theo hình thức PPP để đầu tư các cơ sở y tế trên địa bàn.

5. Quyết liệt việc thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia BHYT đã được Thủ tướng giao cho tỉnh. Bảo đảm ngân sách mua thẻ BHYT cho các đối tượng được nhà nước hỗ trợ 100%, ưu tiên bố trí ngân sách để hỗ trợ hộ gia đình cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình tham gia BHYT.

Trên đây là báo cáo Tổng kết công tác y tế năm 2018 và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2019 của Sở Y tế Đồng Nai.

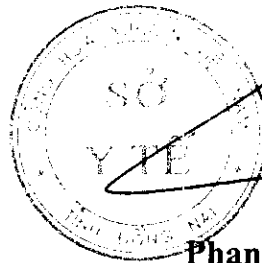
Trân trọng./*đ*

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT. Tỉnh ủy; (báo cáo)
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- TT. UBMTTQ tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Sở KHĐT;
- GD và các PGD Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các Phòng CM, VP, TTra Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

P Anh.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ